

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lò Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLST- HN&GD ngày 13 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, năm sinh 1987; Địa chỉ: Bản V, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản Phang, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Lò Văn H sống như vợ chồng từ năm 2008, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện TG, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 27/3/2012. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn H dùng tài sản của gia đình đi cầm cố, cá cược, đánh bạc nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; mặt khác anh Lò Văn H còn có hành vi đánh đập, dùng dao đe dọa chị Lò Thị T. Từ đầu năm 2018 chị Lò Thị T đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản V, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng

đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Chị T và anh Lò Văn H có 03 người con chung, là Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009; Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012 và Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014. Sau ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn H khai: Anh H và chị T sống như vợ chồng từ năm 2007, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện TG, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 27/3/2012. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đêm giao thừa tết xuân năm mới 2018 anh H đi sang nhà hàng xóm chơi và vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Đến sáng ngày 01 tháng 01 năm 2018, chị T đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên và vợ chồng sống ly thân cho đến thời điểm hiện nay, về mặt tình cảm vợ chồng anh H xác nhận từ khi ly thân vợ chồng anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, yêu T nhau. Anh H thừa nhận sáng ngày 01/01/2018 chị T bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng xảy ra cãi nhau anh H đã dùng tay tát vào mặt chị T và cũng thừa nhận trong thời gian chị T đi làm thuê anh H đã bán 01 xe máy hiệu YAMAHA Sirius và mang 01 xe máy Honda Lead là tài sản chung của vợ chồng đi cầm cố lấy tiền để chi tiêu phục vụ sinh hoạt gia đình, sau đó chị T đã tự đi chuộc lại xe máy về và hiện nay chị T đang quản lý sử dụng xe máy trên. Nay chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý vì còn yêu T chị T.

- Về con chung: Anh Lò Văn H thống nhất với ý kiến trình bày của chị Lò Thị T, anh chị có 03 người con chung là Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009; Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012 và Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014. Sau ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con và yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi người con 500.000đ/01 tháng/ 01 người, thời điểm cấp dưỡng bắt từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Do anh Lò Văn H không đồng ý ly hôn với chị Lò Thị T nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị T và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định, đến thời điểm yêu cầu ly hôn vợ chồng có 03 người con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nên từ đầu năm 2018 hai người đã sống ly thân cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về con chung chị T đồng ý giao con chung là Lò Thị O, Lò Minh K cho anh Lò Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung Lò Minh K 500.000đ/ 01 tháng, kể từ tháng 8 năm 2020, phương thức cấp dưỡng hằng tháng. Chị Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012.

Anh Lò Văn H: Về hôn nhân, con chung, anh Lò Văn H giữ nguyên ý kiến. Còn về tài sản chung anh Lò Văn H đề nghị Tòa án giải quyết 01 xe máy Honda

Lead, 01 dây chuyền vàng trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), 02 con gà và giải quyết về nghĩa vụ trả nợ chung cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện TG 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị T, anh Lò Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lò Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009 và cháu Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014. Chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Lò Minh K 500.000đ/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2020.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Lò Văn H yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và nợ chung. Yêu cầu của bị đơn anh Lò Văn H đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nên đề nghị HĐXX không xem xét trong vụ án này. Anh H có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng cho chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn H có địa chỉ tại bản Phang, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt nguyên đơn là chị Lò Thị T còn bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/3/2012 của UBND xã Chiềng Sinh (BL 03) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn H là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do trong thời gian chị Lò Thị T đi làm thuê, anh Lò Văn H ở nhà đã tự ý bán hoặc đưa đi cầm cố một số tài sản chung của vợ chồng mà không được sự đồng ý của chị T. Sau đó chị T đã tự bỏ tiền để chuộc lại tài sản và anh H có hành vi bạo lực gia đình với chị T dẫn đến phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 01 năm 2018 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên và sống ly thân cho đến nay. Anh H cũng thừa nhận khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến tháng 7 năm 2019 anh H có đến đón chị T về nhà nhưng về đến nhà chị T không ăn chung với anh H mà tự ăn riêng một mình, sau đó chị T tiếp tục đi làm thuê khi về chỉ về bên gia đình bố mẹ đẻ và thỉnh thoảng có qua nhà của vợ chồng cũng chỉ là để thăm con cái. Anh H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay đã không còn yêu T, quan tâm nhau (BL28). Hội đồng xét xử nhận định về tình cảm vợ chồng, chị T và anh H không còn yêu T, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ về nhân thân, tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Anh Lò Văn H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn yêu T chị T là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân, anh H cũng thừa nhận trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm tới ai.

Xét thấy chị Lò Thị T, anh Lò Văn H đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 người con chung là Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009; Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012 và Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh H đều có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn, cần căn cứ nguyện vọng của con và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên. Tại phiên tòa chị T đồng ý giao con chung là Lò Thị O, Lò Minh K cho anh Lò Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung Lò Minh K 500.000đ/ 01 tháng, vì vậy cần giao cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012. Giao cho anh Lò Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009 và cháu Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014, vì khi anh H chỉ T sống ly thân, cháu O, cháu K đang sống ổn định với anh H, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Như vậy anh Lò Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu O, cháu K là phù hợp. Do anh Lò Văn H nuôi nhiều hơn một người con nên cần buộc chị T cấp dưỡng nuôi con chung

theo quy định, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa anh Lò Văn H yêu cầu giải quyết tài sản chung là 01 xe máy Honda Lead, 01 dây chuyền vàng trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), 02 con gà và giải quyết về nghĩa vụ trả nợ chung cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện TG 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Xét thấy yêu cầu này của anh Lò Văn H trong quá trình giải quyết vụ án anh H khai không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung (BL 27). Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lò Văn H vắng mặt và không có ý kiến gì. Do vậy yêu cầu trên của anh Lò Văn H Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, anh H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Ngọc V, sinh ngày 20/12/2012 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Thị O, sinh ngày 29/3/2009 và Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014 đến khi thành niên có khả năng lao động sau ly hôn. Chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung Lò Minh K, sinh ngày 02/10/2014 cùng anh Lò Văn H, mỗi tháng 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2020.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T, anh Lò Văn H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Lò Thị T, anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng cho chị Lò Thị T.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/7/2020).

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Chiềng Sinh, huyện TG;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng

